

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST

Ngày: 28-01-2022.

Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Hồ

2. Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Ông Tôn Minh Nhật – Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2019/TLST-DS, ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1977.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã C, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 9 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Kim H trình bày:

Trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2018, bà Nguyễn Thị Đ (sau đây gọi tắt là bà Đ) có tham gia chơi hui và vay tiền của bà Nguyễn Kim H (sau đây gọi tắt là bà Kim H) cụ thể như sau:

Ngày 15/5/2017 bà Đ tham gia 01 chân hội với số tiền là 5.000.000 đồng, gồm 20 hội viên, do bà Kim H làm chủ hội, bà Đ đóng hội đến ngày 15/5/2018 được 14 lần, còn lại 6 lần, mỗi lần đóng là 5.000.000 đồng, bà Đ còn nợ lại bà Kim H là 30.000.000 đồng.

Ngày 24/01/2018 bà Đ tiếp tục tham gia 02 chân hội, mỗi chân hội là 2.000.000 đồng, gồm 20 hội viên, nửa tháng (15 ngày) mở (khui) hội 01 lần. Bà Đ đóng đến ngày 24/5/2018 được 09 (chín) lần, còn lại 11 lần chưa đóng, mỗi lần đóng 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Bà Đ còn nợ lại bà Kim H là 44.000.000 đồng.

Ngày 07/6/2018 bà Đ tham gia 02 (hai) chân hội ngày, mỗi ngày là 100.000 đồng/ngày, gồm có 40 hội viên. Bà Đ đóng được 05 ngày (đến ngày 11/6/2018) thì ngưng đóng, bà Đ còn thiếu bà Kim H là 35 ngày, mỗi ngày là 200.000 đồng, tổng cộng là 7.000.000 đồng.

Ngày 09/5/2018 bà Đ tham gia chân hội 5.000.000 đồng, bà Đ đóng được 01 lần là 3.900.000 đồng.

Cùng ngày 09/5/2018 bà Đ có hỏi tiền góp của bà Kim H là 18.000.000 đồng, mỗi ngày góp 400.000 đồng, thời gian góp là 50 ngày. Bà Đ góp được 23 ngày, còn lại 27 ngày chưa góp. Như vậy bà Đ còn nợ lại bà Kim H số tiền góp là 10.800.000 đồng.

Ngày 13/02/2018 bà Đ hỏi vay của bà Kim H số tiền là 80.000.000 đồng lãi suất 4%/ tháng. Đến ngày 15/3/2018 bà Đ hỏi vay giùm cho vợ ông Lực tiền ngày là 20.000.000 đồng. Bà Đ hẹn trong vòng 02 ngày sẽ trả nhưng hết 02 ngày không trả. Tổng cộng bà Đ vay của bà Kim H là 100.000.000 đồng, tiền lãi vay 100.000.000 đồng là 15.200.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi bà Đ thiếu bà Kim H là 115.200.000 đồng.

Vào ngày 29/5/2017 bà Kim H có mua lại phần hội của bà Đ với số tiền là 109.500.000 đồng, trừ tiền còn 2.500.000 đồng, còn lại 107.000.000 đồng, bà Kim H có đưa tiền cho bà Đ là 107.000.000 đồng để bà Đ đóng hội chết lại cho bà Kim H. Dây hội này do bà Hồng Xuân làm chủ hội, gồm có 27 hội viên, thời điểm bà Kim H mua lại chân hội của bà Đ thì dây hội này có 10 phần hội chết, 17 phần hội sống. Đến ngày 29/5/2018 bà Đ hốt hội được 127.300.000 đồng (trong đó có 23 phần hội chết, còn 04 phần hội sống), bà Đ hứa sau khi hốt hội sẽ đưa số tiền này lại cho bà Kim H nhưng sau khi hốt hội xong bà Đ không có đưa tiền lại cho bà Kim H.

Tổng số tiền hụi và tiền vay bà Đ còn nợ bà Kim H là 334.300.000 đồng, trừ tiền hụi bà Đ góp được 01 lần là 3.900.000 đồng, còn lại 330.400.000 đồng. Nay bà Kim H yêu cầu bà Đ trả số tiền là 330.400.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu bốn trăm nghìn đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà Đ thừa nhận có tham gia chơi hụi và nợ tiền vay của bà Kim H số tiền như sau:

Ngày 15/5/2017 bà Đ tham gia 01 dây hụi 5.000.000 đồng, gồm có 20 hụi viên. Bà Đ góp được 14 lần, còn nợ lại 06 lần là 30.000.000 đồng.

Ngày 24/01/2018 bà Đ tham gia dây hụi 2.000.000 đồng, gồm 20 hụi viên, nửa tháng khai một lần. Bà Đ tham gia 02 phần và góp được 19 lần, còn nợ 11 lần bằng 44.000.000 đồng.

Ngày 07/6/2018 bà Đ tham gia 02 phần hụi ngày, mỗi phần hụi là 100.000 đồng (02 phần hụi là 200.000 đồng/ngày), gồm có 40 hụi viên. Bà Đ góp được 05 ngày, còn nợ lại 35 ngày là 7.000.000 đồng.

Ngày 09/5/2018 bà Đ có vay tiền của bà Kim H là 18.000.000 đồng, mỗi ngày góp 400.000 đồng, góp trong thời hạn 50 ngày. Bà Đ góp được 23 ngày, còn nợ lại 27 ngày bằng 10.800.000 đồng.

Bà Đ không thừa nhận ngày 13/02/2018 vay của bà Kim H số tiền 80.000.000 đồng. Thực tế, do bà Đ không có khả năng trả tiền hụi và tiền góp nên bà Kim H tính qua tiền cho vay tháng, gom lại thành 95.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi bà Kim H tính là 26.400.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 121.400.000 đồng. Ngày 02/9 bà Kim H kêu bà Đ lĩnh 02 phần hụi của dây hụi 2.000.000 đồng/phần hụi, số tiền lĩnh được là 62.520.000 đồng. Bà Kim H lấy số tiền bà Đ hốt hụi trừ vào tiền nợ, nên bà Đ còn nợ bà Kim H 58.880.000 đồng. Bà Kim H có đưa cho bà Đ vay thêm 1.120.000 đồng, nên số tiền bà Đ nợ bà Kim H là 60.000.000 đồng, không phải 80.000.000 đồng.

Bà Đ thừa nhận có hỏi vay giùm cho vợ ông Lực là 20.000.000 đồng (số tiền này bà Đ và vợ ông Lực đã cần trừ xong), bà Đ còn nợ lại bà Kim H là 20.000.000 đồng.

Tổng cộng bà Đ chỉ thiếu bà Kim H là 80.000.000 đồng, không phải là 100.000.000 đồng như bà Kim H trình bày.

Như vậy, tổng số tiền bà Đ còn nợ bà Hai là 171.800.000 đồng, trừ số tiền bà Đ góp cho bà Hai ngày 09/5/2018 là 3.900.000 đồng. Bà Đ còn nợ lại bà Kim H

là 167.900.000 đồng. Hiện tại gia đình bà Đ đang gặp khó khăn, nên xin trả cho bà Kim H mỗi tháng là 2.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Trước đây bà Đ có chồng tên Lê Văn Mười Hai nhưng đã ly hôn từ năm 2000. Bà Đ cam kết tự chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Kim H.

Những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Biên bản hòa giải của UBND xã Hòa Chánh ngày 24/8/2018; Biên bản hòa giải tại ấp Vĩnh Chánh ngày 15/8/2018; Đơn yêu cầu của bà Nguyễn Kim H ngày 06/8/2018; Tờ tường trình ngày 20/11/2018 của bà Nguyễn Kim H;

Bị đơn cung cấp: Bản tự khai (không ghi ngày); Tờ tường trình ngày 05/3/2019 của bà Nguyễn Thị Đ.

Tài liệu do Tòa án thu thập: Biên bản đối chất ngày 23/5/2019; Biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Kim H ngày 16/9/2020 và ngày 08/5/2020; Biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Nguyễn Văn Mười (Công an viên ấp Vĩnh Chánh) ngày 03/01/2022;

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, Bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền nợ dây hụi ngày 15/5/2017 là 30.000.000 đồng, dây hụi ngày 24/01/2018 là 44.000.000 đồng; dây hụi ngày 7/6/2018 là 7.000.000 đồng và khoản tiền vay ngày 13/02/2018, nhưng đề nghị tính lại lãi suất của số tiền vay gốc là 18.000.000 đồng, do mức lãi suất các bên thỏa thuận vượt quá mức lãi suất do pháp luật quy định.

Đối với số tiền vay 100.000.000 đồng, bà Kim H không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Bà Đ chỉ thừa nhận thiếu bà Kim H tổng cộng là 80.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Kim H, buộc bà Đ trả cho bà Kim H tiền vay tháng là 60.000.000 đồng và tiền vay ngày (giùm cho vợ ông Lực) là 20.000.000 đồng, tổng cộng là 80.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu trả tiền đây hụi mà bà Kim H cho rằng đã mua lại của bà Đ là 127.300.000 đồng, nhưng bà Đ không thừa nhận; bà Kim H cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho việc có giao tiền mua chân hụi trên cho bà Đ, nên đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Kim H về việc yêu cầu bà Đ trả số tiền 127.000.000 đồng.

Về phần lãi suất: Do bà Kim H không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/9/2020 nguyên đơn bà Nguyễn Kim H trình bày: Chồng cũ của bà Nguyễn Thị Đ trước đây tên Lê Văn Mười Hai, nhưng bà Đ và ông Mười Hai đã ly hôn cách đây trên 10 năm. Việc chơi hụi chỉ có bà Kim H và bà Đ biết nên bà Kim H chỉ yêu cầu bà Đ chịu trách nhiệm trả nợ.

[2]. **Về quan hệ pháp luật:** Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Kim H với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ là tranh chấp nợ hụi và vay tài sản. Cụ thể bà Kim H yêu cầu bà Đ trả tiền nợ hụi và tiền vay còn thiếu tổng cộng là 330.400.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu bốn trăm nghìn đồng).

[3]. Xét về nội dung tranh chấp:

Tại phiên tòa, bà Đ thừa nhận trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2018 bà Đ có tham gia chơi hụi và vay tiền của bà Kim H, còn thiếu lại số tiền cụ thể như sau:

Dây hụi ngày 15/5/2017 bà Đ còn thiếu bà Kim H là 30.000.000 đồng; dây hụi 24/01/2018 bà Đ còn thiếu bà Kim H là 44.000.000 đồng; dây hụi ngày 07/6/2018 bà Đ còn thiếu bà Kim H là 7.000.000 đồng.

Bà Đ cũng thừa nhận ngày 09/5/2018 có hỏi tiền góp của bà Kim H là 18.000.000 đồng, mỗi ngày góp 400.000 đồng, thời gian góp là 50 ngày. Bà Đ góp được 23 ngày còn lại 27 ngày chưa góp với số tiền là 10.800.000 đồng.

Đây là những khoản nợ hụi và tiền vay bà Đ thừa nhận còn thiếu bà Kim H, nên việc bà Kim H yêu cầu bà Đ phải trả những khoản nợ trên là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, đối với số tiền vay 18.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận góp mỗi ngày 400.000 đồng, góp trong thời gian 50 ngày, nếu góp đủ sẽ là 20.000.000 đồng (tiền lãi là 2.000.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 6.66%/tháng). Do mức lãi suất các bên thỏa thuận cao hơn mức lãi suất pháp luật quy định, vì vậy phải tính lại lãi suất theo quy định của pháp luật.

Theo tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

“Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác... Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”.

Theo quy định trên thì mức lãi suất các bên thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm, tức là không quá 1,66%/tháng. Tiền lãi của số tiền 18.000.000 đồng theo mức lãi suất quy định (1,66%/tháng) là 298.000 đồng/tháng, mỗi ngày tiền lãi là 9.960 đồng. Như vậy, tiền lãi của số tiền 18.000.000 đồng trong thời gian 50 ngày là 498.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi bà Đ phải trả cho bà Kim H theo mức lãi suất quy định của pháp luật là 18.498.000 đồng. Trừ số tiền bà Đ đã góp cho bà Kim H được 23 ngày là 9.200.000 đồng. Như vậy, bà Đ phải trả nợ gốc và lãi còn lại của số tiền vay ngày 9/5/2018 là 9.298.000 đồng.

Tổng cộng, tiền nợ 03 dây hụi (dây hụi ngày 15/5/2017; dây hụi ngày 24/01/2018, dây hụi ngày 07/6/2018) và tiền vay ngày 9/5/2018, bà Đ còn thiếu lại bà Kim H là 90.298.000 đồng.

Đối với khoản vay ngày 13/02/2018, bà Kim H cho rằng có cho bà Đ vay 80.000.000 đồng, lãi suất 4%/ tháng. Ngày 15/3/2018 bà Đ vay giùm cho vợ ông Lực là 20.000.000 đồng. Tổng cộng là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 15.200.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi bà Kim H yêu cầu bà Đ phải trả là 115.200.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Đ cho rằng do bà Đ thiếu nợ bà Kim H không có tiền trả nên bà Kim H cộng dồn lại thành tiền vay tháng là 60.000.000 đồng và tiền vay giùm cho vợ ông Lực là 20.000.000 đồng, tổng cộng là 80.000.000 đồng, không phải là 100.000.000 đồng như bà Kim H trình bày.

Bà Kim H cho rằng có đưa tiền cho bà Đ vay 80.000.000 đồng, nhưng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh đối với số tiền này. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà Kim H, buộc bà Đ trả cho bà Kim H số tiền vay là 60.000.000 đồng và 20.000.000 đồng (vay giùm cho vợ ông Lực), tổng cộng là 80.000.000 đồng.

Xét yêu cầu của bà Kim H về việc yêu cầu bà Đ trả lại tiền mua chân hụi ngày 29/5/2017 là 127.300.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2020 bà Kim H trình bày:

“Do quen biết với bà Kiều (chị dâu của bà Đ) là dân ở Cần Thơ đi ghe xuống Hòa Chánh buôn bán, bà Kiều có con ở Cần thơ tên Hồng Xuân làm chủ hội nên mới rủ bà Kim H và bà Đ tham gia chơi hội do con của bà Kiều làm chủ hội. Bà Kim H có tham gia 01 chân, bà Đ tham gia 02 chân, hội gồm 27 hội viên, giá hội 5.000.000 đồng. Hình thức chơi hội là do bà Kiều làm trung gian giao nhận tiền hội cho bà Hồng Xuân, nhưng khi đóng hội thì bà Kim H nhờ bà Măng đóng giùm, vì bà Măng cũng có tham gia chơi chung dây hội do bà Hồng Xuân làm chủ hội. Sau đó bà Đ có hót 01 chân hội (trong dây hội của bà Hồng Xuân) và hứa sẽ trả bớt nợ cho bà Kim H nhưng sau khi hót xong 01 chân hội thì bà Đ không trả tiền vay cho bà Kim H. Trong thời gian này do làm thầu số bị thua lỗ nên bà Đ mới kêu bà Kim H bán chân hội còn lại trong dây hội của bà Xuân, với số tiền 109.500.000 đồng, trừ tiền còn 2.500.000 đồng, còn lại 107.000.000 đồng. **Bà Kim H có đưa tiền cho bà Đ để bà Đ đóng hội chết lại cho bà Kim H.** Đến ngày 29/5/2017 xổ hội, bà Đ nói lên Cần thơ gặp bà Hồng Xuân để hót hội về đưa cho bà Kim H, nhưng thực tế bà Đ không có lên bà Xuân để lấy tiền, mà thực tế tiền hội bà Đ hót được bà Kiều (mẹ của bà Xuân) đã xuống giao cho Đuộm tại bến phà Trà Quon. Sau đó bà Kim H nghe một số người trong chợ Trà Quon nói bà Kiều đã giao tiền hội cho bà Đ, và bà Đ đã lấy để trả nợ cho một số chủ nợ khác trong chợ và trả nợ xã hội đen. Sau khi biết bà Đ đã nhận tiền hội (chân hội đã bán cho bà Kim H) nhưng lại không giao tiền cho bà Kim H mà trả cho các chủ nợ khác nên bà Kim H mới gọi điện cho bà Đ yêu cầu trả lại số tiền hội đã mua, bà Đ cũng thừa nhận việc mua bán hội (bà Kim H có ghi âm cuộc nói chuyện và đã cung cấp cho Tòa án)”.

Xét thấy: Nội dung đoạn ghi âm giữa bà Kim H gọi điện cho bà Đ để đòi nợ (do bà Kim H cung cấp) cũng không có nội dung là bà Kim H có giao tiền cho bà Đ để mua lại chân hội trên.

Tại phiên tòa, bà Đ thừa nhận là có hứa bán lại chân hội (do bà Hồng Xuân làm chủ hội) cho bà Kim H, nhưng sau đó thì không có bán và bà Kim H cũng không có giao tiền mua chân hội trên cho bà Đ.

Bà Kim H trình bày do quen biết làm ăn lâu năm nên việc thỏa thuận mua bán hội giữa bà Kim H với bà Đ chỉ thỏa thuận bằng miệng, ngoài ra không ai biết và cũng không có tài liệu chứng cứ gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Kim H không cung cấp được bất cứ tài liệu gì để chứng minh cho việc có giao cho bà Đ số tiền là 107.000.000 đồng để mua lại chân hội trên. Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của bà Kim H đối với số tiền 127.300.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Kim H các khoản tiền sau:

Tiền nợ hui ngày 15/5/2017 là 30.000.000 đồng;

Tiền nợ hui ngày 24/01/2018 là 44.000.000 đồng;

Tiền nợ hui ngày 07/6/2018 là 7.000.000 đồng;

Tiền vay ngày 9/5/2018 còn nợ lại 9.298.000 đồng;

Tiền vay 13/02/2018 là 60.000.000 đồng;

Tiền vay ngày 15/3/2018 là 20.000.000 đồng;

Tổng cộng là 170.298.000 đồng, khấu trừ tiền hui sống bà Đ đóng cho bà Kim H là 3.900.000 đồng. Còn lại bà Đ phải trả cho bà Kim H số tiền là 166.398.000 đồng.

Bác yêu cầu khởi kiện bà Kim H về việc yêu cầu bà Đ phải trả tổng số tiền là 330.400.000 đồng - 166.398.000 đồng = 164.002.000 đồng.

Về phần lãi suất: Tại phiên tòa bà Kim H trình bày là không yêu cầu về phần lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về trách nhiệm trả nợ: Tại phiên tòa, bà Đ cho rằng do gia đình đang gặp khó khăn nên xin trả bà Kim H mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, nhưng bà Kim H không đồng ý.

Xét ý kiến của bà Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo quy định tại mục 1, phần III, Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: “*Toà án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành*”.

Do đó, việc bà Đ xin trả nợ dần cho bà Kim H với hình thức mỗi tháng trả là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi dứt nợ là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. **Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Đ phải chịu án phí là 166.398.000 đồng x 5% = 8.319.000 đồng.

Bà Kim H phải chịu án phí đối với số tiền yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 164.002.000 đồng x 5% = 8.200.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.260.000 đồng. Bà Kim H được nhận lại số tiền 60.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Khoản 1 Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ- CP, ngày 19 tháng 02 năm

2019 của Chính phủ về họ, họ, họ, họ, họ; điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 91, Điều 92 Điều 271, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ họ.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Đ trả cho bà Nguyễn Kim H số tiền 166.398.000 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Về lãi phần lãi suất: Nguyên đơn bà Nguyễn Kim H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền 164.002.000 đồng (một trăm sáu mươi bốn triệu không trăm lẻ hai nghìn đồng).

4. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong số tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đ phải chịu án phí là 8.319.000 đồng (tám triệu ba trăm mười chín nghìn đồng).

Bà Kim H phải chịu án phí đối với số tiền yêu cầu bà Đ trả nhưng không được Tòa án chấp nhận là 8.200.000 đồng (tám triệu hai trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.260.000 đồng theo biên lai thu số 0000756 ngày 26/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Bà Kim H được nhận lại số tiền 60.000 đồng (sáu mươi nghìn đồng).

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh